

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Về kiến thức:

- Kiểm tra các kiến thức học sinh đã đạt được trong chương trình học kì II; học sinh biết cách vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống, từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

2. Về năng lực cần hướng tới:

- Nhận biết và khai thác được một số yếu tố của truyện cổ tích như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và yếu tố kì ảo, ý nghĩa.

- Nhận biết và phân tích được các đơn vị kiến thức tiếng Việt như các biện pháp tu từ, cấu tạo từ, trạng ngữ...

- Viết được bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) trong đời sống.

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ, yêu nước, trung thực, trách nhiệm, nhân ái.

B. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện cổ tích	2	0	6	2	0	1	0	0	60
2	Viết	Bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			5	5	15	35	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			10%		50%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

TT	Chương / Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện cổ tích	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản - Nhận biết được các đơn vị kiến thức tiếng Việt: cấu tạo từ, thành phần câu, biện pháp tu từ... <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt được cốt truyện - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua ngoại hình, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật - Phân tích được tác dụng của các chi tiết kì ảo - Nêu được chủ đề của văn bản - Xác định được các biện pháp tu từ, công dụng của trạng ngữ <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử gợi ra từ văn bản 	2 TN	6 TN 2 TL	1 TL	
2	Viết	Bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>Viết được bài văn nghị luận trình</p>	*	*	*	1 TL*

	tượng (vấn đề) trong đời sống.	bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) trong đời sống. Đảm bảo nêu được vấn đề và suy nghĩ về vấn đề đó, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình.				
Tổng			2 TN	6 TN 2 TL	1 TL	1 TL
Tỉ lệ %			10	50	30	10
Tỉ lệ chung			60		40	

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc kĩ văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Ngày xưa, có một cậu bé được mẹ cưng chiều nên rất nghịch và ham chơi. Một lần, bị mẹ mắng, cậu vùng vằng bỏ đi. Cậu la cà khắp nơi, mẹ cậu ở nhà không biết cậu ở đâu nên buồn lắm. Ngày ngày mẹ ngồi trên bậc cửa ngóng cậu về. Một thời gian trôi qua mà cậu vẫn không về. Vì quá đau buồn và kiệt sức, mẹ cậu gục xuống. Không biết cậu đã đi bao lâu. Một hôm, vừa đói vừa rét, lại bị trẻ lớn hơn đánh, cậu mới nhớ đến mẹ:

- Phải rồi, khi mình đói, mẹ vẫn cho mình ăn, khi mình bị đũa khác bắt nạt, mẹ vẫn bênh mình, về với mẹ thôi.

Cậu liền tìm đường về nhà. Ở nhà, cảnh vật vẫn như xưa, nhưng không thấy mẹ đâu. Cậu khản tiếng gọi mẹ:

- Mẹ ơi, mẹ đi đâu rồi, con đói quá! – Cậu bé gục xuống, rồi ôm một cây xanh trong vườn mà khóc.

Kì lạ thay, cây xanh bỗng run rẩy. Từ các cành lá, những đài hoa bé tí trổ ra, nở trắng như mây. Hoa tàn, quả xuất hiện, lớn nhanh, da căng mịn, xanh óng ánh. Cây nghiêng cành, một quả to rơi vào tay cậu bé.

Cậu bé cắn một miếng thật to. Chát quá.

Quả thứ hai rơi xuống. Cậu lột vỏ, cắn vào hạt quả. Cứng quá.

Quả thứ ba rơi xuống. Cậu khẽ bóp quanh quả, lớp vỏ mềm dần rồi khẽ nứt ra một kẽ nhỏ. Một dòng sữa trắng sòng sánh trào ra, ngọt thơm như sữa mẹ.

Cậu bé ghé môi hứng lấy dòng sữa ngọt ngào, thơm ngon như sữa mẹ.

Cây rung rinh cành lá, thì thào:

- Ăn trái ba lần mới biết trái ngon. Con có lớn khôn mới hay lòng mẹ.

Cậu òa lên khóc. Mẹ đã không còn nữa. Cậu nhìn lên tán lá, lá một mặt xanh bóng, mặt kia đỏ hoe như mắt mẹ khóc chờ con. Cậu ôm lấy thân cây mà khóc, thân cây xù xì, thô ráp như đôi bàn tay làm lụng của mẹ. Nước mắt cậu rơi xuống gốc cây. Cây xòa cành ôm cậu, rung rinh cành lá như tay mẹ âu yếm vỗ về.

Cậu kể cho mọi người nghe chuyện về người mẹ và nỗi ân hận của mình...

Trái cây thơm ngon ở vườn nhà cậu, ai cũng thích. Họ đem về gieo trồng khắp nơi và đặt tên là cây vú sữa.

(Sự tích cây vú sữa, Truyện dân gian Việt Nam, NXB Văn học, 2017)

Bài 1. Trắc nghiệm (2.0 điểm)

Ghi lại chữ cái trước đáp án đúng:

Câu 1. Ngôi kể nào được sử dụng trong đoạn trích trên?

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi thứ ba
- D. Ngôi thứ nhất và thứ ngôi thứ ba

Câu 2. Câu nào dưới đây không có yếu tố hoang đường, kì ảo?

- A. Cây rung rinh cành lá, thì thảo: - Ăn trái ba lần mới biết trái ngon...
- B. Cậu la cà khắp nơi, mẹ cậu ở nhà không biết cậu ở đâu nên buồn lắm.
- C. Kì lạ thay, cây xanh bỗng run rẩy.
- D. Cây xòa cành ôm cậu, rung rinh cành lá như tay mẹ âu yếm vỗ về.

Câu 3. Dòng nào dưới đây chỉ gồm các từ láy?

- A. Mẹ mắng, vùng vằng, run rẩy
- B. Vùng vằng, sóng sánh, rung rinh
- C. Run rẩy, một miếng, xù xì
- D. Xù xì, ngọt ngào, lớn hơn

Câu 4. Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Nghị luận
- D. Biểu cảm

Câu 5. Câu nào dưới đây là lời của nhân vật?

- A. - Ăn trái ba lần mới biết trái ngon.
- B. Cậu lột vỏ, cắn vào hạt quả.
- C. Họ đem về gieo trồng khắp nơi và đặt tên là cây vú sữa.
- D. Cây nghiêng cành, một quả to rơi vào tay cậu bé.

Câu 6. Có bao nhiêu cụm danh từ trong câu văn sau: “Ngày xưa, có một cậu bé được mẹ cưng chiều nên rất nghịch và ham chơi”?

- A. 1 cụm danh từ
- B. 2 cụm danh từ
- C. 3 cụm danh từ
- D. Không có cụm danh từ nào

Câu 7. Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong đoạn văn: “Quả thứ hai rơi xuống. Cậu lột vỏ, cắn vào hạt quả. Cứng quá. Quả thứ ba rơi xuống. Cậu khẽ bóp quanh quả, lớp vỏ mềm dần rồi khẽ nứt ra một kẽ nhỏ.”?

- A. So sánh
- B. Điệp ngữ
- C. Nhân hoá
- D. Ẩn dụ

Câu 8. Trong văn bản trên, tại sao cậu bé lại nhớ đến mẹ của mình và có ý định tìm đường trở về nhà: “- Phải rồi, khi mình đói, mẹ vẫn cho mình ăn, khi mình bị đũa khác bắt nạt, mẹ vẫn bênh mình, về với mẹ thôi.”?

- A. Vì cậu bé biết mẹ ở nhà đang mong ngóng mình
- B. Vì cậu bé phải chịu đói, chịu rét, lại còn bị trẻ lớn hơn đánh
- C. Vì cậu bé đã đi hết những nơi cậu thích
- D. Vì cậu bé không thích rong chơi, la cà nữa.

Bài 2: Tự luận (4.0 điểm)

Câu 1. (1.0 điểm) Văn bản trên thuộc thể loại nào em đã học? Kể tên một văn bản trong chương trình Ngữ Văn 6 có cùng thể loại đó.

Câu 2. (1.0 điểm) Chỉ ra và nêu tác dụng của trạng ngữ có trong câu văn sau:

Vì quá đau buồn và kiệt sức, mẹ cậu gục xuống

Câu 3. (2.0 điểm) Từ nội dung văn bản trên, em rút ra được bài học gì trong cuộc sống? Hãy trình bày suy nghĩ của mình bằng một đoạn văn khoảng 5 - 7 câu.

II. PHẦN VIẾT (4.0 điểm)

Hãy viết bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề bảo vệ môi trường hiện nay.

Câu	Nội dung	Điểm														
I. PHẦN ĐỌC HIỂU																
Bài 1	Mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm	2.0 điểm														
	<table border="1"><tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td></tr><tr><td>C</td><td>B</td><td>B</td><td>A</td><td>A</td><td>B</td><td>B</td><td>B</td></tr></table>		1	2	3	4	5	6	7	8	C	B	B	A	A	B
1	2	3	4	5	6	7	8									
C	B	B	A	A	B	B	B									
Bài 2	Câu 1. - HS xác định được thể loại: Truyện cổ tích - HS kể được tên một văn bản cùng thể loại	0.5 điểm 0.5 điểm														
	Câu 2. - Chỉ ra được thành phần trạng ngữ (<i>Vì quá đau buồn và kiệt sức</i>) - Nêu được công dụng của trạng ngữ (Bổ sung ý nghĩa nguyên nhân)	0.5 điểm 0.5 điểm														
	Câu 3. HS có thể viết theo suy nghĩ riêng của mình nhưng cần đảm bảo các yêu cầu: + Hình thức: Đảm bảo hình thức của đoạn văn; không mắc lỗi dùng từ, diễn đạt câu, chính tả; đảm bảo dung lượng đoạn văn + Nội dung: Nêu được bài học trong cuộc sống (bài học về lòng hiếu thảo, về tình yêu thương và sự kính trọng cha mẹ,...)	0.5 điểm 1.5 điểm														
II. PHẦN VIẾT																
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc và hình thức bài văn</i>	0.25 điểm														
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Trình bày ý kiến về vấn đề bảo vệ môi trường hiện nay	0.25 điểm														
	<i>c. Nội dung:</i> - Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận - Thân bài: Sử dụng hệ thống lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng rõ vấn đề cần bàn luận: + Tình trạng ô nhiễm môi trường hiện nay và hậu quả của ô nhiễm môi trường tới đời sống con người + Những nguyên nhân dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường + Các giải pháp để hạn chế ô nhiễm môi trường	0.5 điểm 1.5 điểm														

	... - Kết bài: Khẳng định lại ý kiến của bản thân và bài học rút ra <i>GV có thể linh hoạt chấm, hướng dẫn chấm chỉ mang tính chất định hướng.</i>	0.5 điểm
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt	0.5 điểm
	e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, diễn đạt trôi chảy, cách viết sáng tạo, hệ thống lí lẽ và dẫn chứng sáng rõ.	0.5 điểm

Giáo viên

Tổ (nhóm) CM

BGH duyệt

Nguyễn Thị Thu Huyền

Đinh Thị Hiên

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc kĩ văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Ngày xưa ngày xưa, có hai mẹ con nhà nọ sống với nhau rất bình yên trong túp lều nhỏ rách nát.

Vào một ngày kia, người mẹ vì làm việc quá nhiều, kiệt sức nên bị ốm. Cô con gái vô cùng lo lắng cho sức khoẻ của mẹ, vội vàng đi tìm thầy thuốc. Trên đường đi, cô vô tình gặp được một cụ già tóc bạc, râu trắng. Cụ già thấy cô bé vội vàng như vậy liền gọi lại hỏi thăm:

- Này cô bé, cháu đi đâu mà vội vàng thế?

Dù đang rất vội nhưng cô bé vẫn dừng lại trong chốc lát để trả lời cụ già:

- Thưa cụ, giờ cháu đang đi mời thầy thuốc ạ! Mẹ cháu đang bị bệnh rất nặng.

Nghe vậy cụ già liền bảo cô bé:

- Ta chính là thầy thuốc đây, giờ cháu dẫn ta tới nhà cháu đi, ta sẽ khám bệnh cho mẹ cháu.

Nghe thấy vậy, cô bé hết sức vui mừng, dẫn đường cho cụ già về nhà mình. Đến nơi, cụ già liền khám bệnh cho mẹ của cô bé. Sau đó cụ già nói với cô bé:

- Bệnh của mẹ cháu giờ đã nặng lắm rồi. Nhưng ta sẽ cố hết sức để có thể chữa khỏi bệnh cho mẹ của cháu. Giờ cháu phải đi ngay tới chỗ gốc đa ở đầu cánh rừng xa kia, cháu sẽ thấy có bông hoa màu trắng, sau đó cháu hãy mang bông hoa về đây.

Ngoài trời bây giờ gió lạnh như cắt vào da thịt. Cô bé trên người chỉ mặc một chiếc áo mỏng. Nhưng vì thương mẹ nên cô bé không hề nghĩ ngợi mà đi tìm thuốc cho mẹ luôn. Cô bé cứ đi mãi, đi mãi cho đến khi đôi chân đã mỏi nhừ thì cô mới tới được chỗ gốc đa, nơi đầu rừng như lời của cụ già nói. Cô bé nhìn xung quanh gốc cây và thấy ngay gần đó một bông hoa màu trắng rất đẹp. Cô bé liền hái bông hoa lên, nâng niu nó trên tay. Đột nhiên cô lại nghe thấy tiếng nói của bà cụ già đang văng vẳng bên tai của mình:

- Bông hoa có bao nhiêu cánh thì mẹ cháu sẽ sống được bấy nhiêu ngày.

Cô bé lập tức nhìn xuống bông hoa và cẩn thận đếm từng cánh một:

- Một cánh, hai cánh, ba cánh, bốn cánh... hai mươi cánh. Có nghĩa là mẹ mình chỉ có thể sống được hai mươi ngày nữa sao?

Cô bé òa lên khóc nức nở. Sau một hồi suy nghĩ, cô bé ngồi xuống, nhẹ nhàng xé từng cánh hoa thành những sợi nhỏ khác nhau. Mỗi sợi nhỏ ấy lại trở thành một cánh

hoa, từ một bông hoa chỉ có hai mươi cánh giờ đây đã trở thành bông hoa có vô vàn cánh hoa.

Cô bé nhanh chóng đem theo bông hoa chạy về nhà với mẹ. Khi vừa chạy về tới nơi cô bé đã thấy cụ già kia đứng ngay trước cửa để chờ mình. Cụ già tươi cười nói với cô bé rằng:

- Mẹ của cháu đã khỏi bệnh rồi đấy. Đó chính là phần thưởng cho lòng hiếu thảo, ngoan ngoãn của cháu.

Kể từ đó, hàng năm cứ vào mùa thu thì bông hoa có nhiều cánh hoa lại đua nhau nở rộ, vô cùng xinh đẹp. Từ đó trở đi, người ta đặt tên cho bông hoa đó là bông hoa cúc trắng. Và bông hoa cúc trắng đã trở thành biểu tượng cho lòng hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ mình.

(Sự tích hoa cúc trắng, Truyện dân gian sưu tầm, NXB Dân trí, 2014)

Bài 1. Trắc nghiệm (2.0 điểm)

Ghi lại chữ cái trước đáp án đúng:

Câu 1. Ngôi kể nào được sử dụng trong đoạn trích trên?

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi thứ ba
- D. Ngôi thứ nhất và thứ ngôi thứ ba

Câu 2. Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong câu văn: “Ngoài trời bây giờ gió lạnh như cắt vào da thịt”?

- A. So sánh
- B. Ẩn dụ
- C. Hoán dụ
- D. Điệp ngữ

Câu 3. Dòng nào dưới đây chỉ gồm các từ láy?

- A. Thầy thuốc, vôi vàng, lo lắng
- B. Nâng niu, nhẹ nhàng, tươi cười
- C. Tươi cười, lo lắng, nức nở
- D. Nhẹ nhàng, nâng niu, vôi vàng

Câu 4. Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Nghị luận
- D. Biểu cảm

Câu 5. Câu nào dưới đây là lời của nhân vật?

- A. Trên đường đi, cô vô tình gặp được một cụ già tóc bạc, râu trắng.
- B. – Này cô bé, cháu đi đâu mà vôi vàng thế?
- C. Dù đang rất vôi nhưng cô bé vẫn dừng lại trong chốc lát để trả lời cụ già:

D. Cô bé nhanh chóng đem theo bông hoa chạy về nhà với mẹ.

Câu 6. Có bao nhiêu cụm danh từ trong câu văn sau: “Một cánh, hai cánh, ba cánh, bốn cánh... hai mươi cánh.”?

A. 1 cụm danh từ

B. 3 cụm danh từ

C. 5 cụm danh từ

D. Không có cụm danh từ nào

Câu 7. Hình ảnh bông hoa cúc trắng trong văn bản trên là biểu tượng cho điều gì?

A. Biểu tượng cho sự hiếu thảo

B. Biểu tượng cho sự chăm chỉ

C. Biểu tượng cho sự trung thực

D. Biểu tượng cho sự kiên trì

Câu 8. Trong văn bản trên, tại sao khi tìm được bông hoa, cô bé lại nhẹ nhàng xé từng cánh hoa thành những sợi nhỏ khác nhau?

A. Vì cô bé biết mẹ mình yêu thích những bông hoa có nhiều cánh

B. Vì cô bé muốn thể hiện sự khéo léo của mình qua việc xé nhỏ từng cánh hoa

C. Vì cô bé có tính nghịch ngợm

D. Vì cô bé rất yêu thương mẹ và mong muốn mẹ có thể sống thật lâu

Bài 2: Tự luận (4.0 điểm)

Câu 1. (1.0 điểm) Văn bản trên thuộc thể loại nào em đã học? Kể tên một văn bản trong chương trình Ngữ Văn 6 có cùng thể loại đó.

Câu 2. (1.0 điểm) Chỉ ra và nêu tác dụng của trạng ngữ có trong câu văn sau:

Nhưng vì thương mẹ nên cô bé không hề nghĩ ngợi mà đi tìm thuốc cho mẹ luôn.

Câu 3. (2.0 điểm) Từ nội dung văn bản trên, em rút ra được bài học gì trong cuộc sống? Hãy trình bày suy nghĩ của mình bằng một đoạn văn khoảng 5 - 7 câu.

II. PHẦN VIẾT (4.0 điểm)

Hãy viết bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề bảo vệ môi trường hiện nay.

Câu	Nội dung	Điểm														
I. PHẦN ĐỌC HIỂU																
Bài 1	Mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm	2.0 điểm														
	<table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"><tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td></tr><tr><td>C</td><td>A</td><td>D</td><td>A</td><td>B</td><td>C</td><td>A</td><td>D</td></tr></table>		1	2	3	4	5	6	7	8	C	A	D	A	B	C
1	2	3	4	5	6	7	8									
C	A	D	A	B	C	A	D									
Bài 2	Câu 1. - HS xác định được thể loại: Truyện cổ tích - HS kể được tên một văn bản cùng thể loại	0.5 điểm 0.5 điểm														
	Câu 2. - Chỉ ra được thành phần trạng ngữ (<i>vì thương mẹ</i>) - Nêu được công dụng của trạng ngữ (Bổ sung ý nghĩa nguyên nhân)	0.5 điểm 0.5 điểm														
	Câu 3. HS có thể viết theo suy nghĩ riêng của mình nhưng cần đảm bảo các yêu cầu: + Hình thức: Đảm bảo hình thức của đoạn văn; không mắc lỗi dùng từ, diễn đạt câu, chính tả; đảm bảo dung lượng đoạn văn + Nội dung: Nêu được bài học trong cuộc sống (bài học về lòng hiếu thảo, về tình yêu thương và sự kính trọng cha mẹ,...)	0.5 điểm 1.5 điểm														
II. PHẦN VIẾT																
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc và hình thức bài văn</i>	0.25 điểm														
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Trình bày ý kiến về vấn đề bảo vệ môi trường hiện nay	0.25 điểm														
	<i>c. Nội dung:</i> - Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận - Thân bài: Sử dụng hệ thống lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng rõ vấn đề cần bàn luận: + Tình trạng ô nhiễm môi trường hiện nay và hậu quả của ô nhiễm môi trường tới đời sống con người + Những nguyên nhân dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường + Các giải pháp để hạn chế ô nhiễm môi trường	0.5 điểm 1.5 điểm														

	... - Kết bài: Khẳng định lại ý kiến của bản thân và bài học rút ra <i>GV có thể linh hoạt chấm, hướng dẫn chấm chỉ mang tính chất định hướng.</i>	0.5 điểm
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt	0.5 điểm
	e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, diễn đạt trôi chảy, cách viết sáng tạo, hệ thống lí lẽ và dẫn chứng sáng rõ.	0.5 điểm

Giáo viên

Tổ (nhóm) CM

BGH duyệt

Nguyễn Thị Thu Huyền

Đinh Thị Hiên